

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY AN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2022.

V/v: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thùy Lê.
2. Ông Phạm Ngọc Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên** tham gia phiên tòa: ông Biện Tấn Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 170/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021, về việc: “ Xin ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST- HNGĐ ngày 21/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1982.

*2.Bị đơn:* Anh Hồ Văn D, sinh năm 1986.

Đồng địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Chị T có mặt; Anh D vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn chị T trình bày: Năm 2004 tôi có chung sống thực tế như vợ chồng với anh D, đến năm 2006 vợ chồng có đăng ký kết hôn và được UBND xã A ( nay là xã A ) cấp giấy chứng nhận kết hôn 2006 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh D chơi cờ bạc và ngoại tình với người phụ nữ khác và sống ly thân từ tháng 6

năm 2020 đến nay. Nay tôi không còn tình cảm gì với anh Dinh nên yêu cầu xin được ly hôn với anh D

- Về con chung: Có 03 con chung tên là Hồ Nguyễn Nhất D1, sinh ngày 11/5/2005, Hồ Nguyễn Nhật D2, sinh ngày 27/6/2007 và Hồ Nguyễn Huy T1, sinh ngày 23/6/2011, lâu nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Nay tôi yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con T1, D1 và D2 không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Hồ Văn D vắng mặt nhiều lần, không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; Bị đơn vắng mặt nhiều lần là vi phạm điều 70 BLTTDS. Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T; Về con chung: Giao các cháu Hồ Nguyễn Nhất D1, sinh ngày 11/5/2005, Hồ Nguyễn Nhật D2, sinh ngày 27/6/2007 và Hồ Nguyễn Huy T1, sinh ngày 23/6/2011 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung, chị T không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện anh Hồ Văn D cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc: “ Xin ly hôn”. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, tuy nhiên anh D vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 chị T và anh D có chung sống thực tế như vợ chồng, đến năm 2006 có đăng ký kết hôn và được UBND xã A cấp giấy CNKH năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị T cho rằng quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra bất đồng quan điểm, anh D chơi cờ bạc, và ngoại tình với người phụ nữ khác và sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 đến nay nên cương quyết xin ly hôn với anh D. Xét thấy, việc anh D không đến Tòa án làm việc trong khi biết chị T xin ly hôn là không quan tâm hàn gắn tình cảm, thể hiện thiếu tinh thần trách nhiệm với gia đình. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T

[3]. Về con chung: Có 03 con chung tên là Hồ Nguyễn Nhất D1, sinh ngày 11/5/2005, Hồ Nguyễn Nhật D2, sinh ngày 27/6/2007 và Hồ Nguyễn Huy T1, sinh

ngày 23/6/2011, lâu nay do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu xin được tiếp tục nuôi dưỡng các con D1, D2 và T1 không yêu cầu anh D cấp dưỡng. HĐXX xét thấy, các cháu D1, D2 và T1 lâu nay do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con gắn bó. Mặt khác, tại các bản tự khai các cháu D1, D2 và T1 đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ ( Nguyễn Thị Ánh T ), do đó để đảm bảo về tâm sinh lý cũng như sự phát triển bình thường của các cháu, cần giao các cháu D1, D2 và T1 cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội; chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Hồ Văn D

**2. Về con chung:** Chị Nguyễn Thị Ánh T được tiếp tục trong năm, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Hồ Nguyễn Nhất D1, sinh ngày 11/5/2005, Hồ Nguyễn Nhật D2, sinh ngày 27/6/2007 và Hồ Nguyễn Huy T1, sinh ngày 23/6/2011. Anh Hồ Văn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh D được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số: 03796 ngày 18/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T

\*Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã ký )**

Trần Văn Bình